

ĐỀ THI TIẾT NIỆU NĂM 2018 Y4

- Câu 1.** Một bệnh nhân bị bướu tinh hoàn đã mổ cắt tinh hoàn ngã bẹn, GPB là seminoma thuần, bướu còn khu trú trong vỏ bọc tinh hoàn, trên CT không phát hiện hạch. Anh chị?
- A. Cho hoá trị bổ túc
 - B. Theo dõi và không cần điều trị tiếp
 - C. Cho xạ trị bổ túc
 - D. Không cần điều trị tiếp**
 - E. Theo dõi, kết hợp hóa và xạ trị bổ túc
- Câu 2.** Sỏi đường tiết niệu đứng hàng thứ 3 sau các bệnh lý:
- A. Nhiễm khuẩn niệu và chấn thương đường tiểu dưới
 - B. Nhiễm khuẩn niệu và chấn thương thận
 - C. Nhiễm khuẩn niệu và bệnh bẩm sinh đường tiểu
 - D. Nhiễm khuẩn niệu và **bướu** thận
 - E. Tất cả đều sai**
- Câu 3.** Bướu tinh hoàn thuộc loại mầm sinh:
- A. Chỉ nhạy với xạ trị
 - B. Nhạy xạ trị và kháng hóa trị
 - C. Chỉ nhạy với hóa trị
 - D. Kháng xạ trị lẫn hóa trị
 - E. Tất cả đều sai**
- Câu 4.** Bướu tinh hoàn thường cho di căn
- A. Không bao giờ di căn theo đường bạch mạch
 - B. Hạch chậu và hạch thường đòn
 - C. Hạch bẹn (ở giai đoạn muộn)
 - D. Tất cả đều sai**
- Câu 5.** Với cùng một giai đoạn, bướu nào có dự hậu xấu nhất?
- A. Yolk sac tumor và seminoma có dự hậu như nhau
 - B. Teratocarcinoma
 - C. Choriocarcinoma
 - D. Bướu tế bào Sertoli
 - E. Yolksac và tumor**
- Câu 6.** Loại bướu nào chiếm tỉ lệ cao nhất trong ung thư tinh hoàn?
- A. Carcinoma tế bào tuyến
 - B. .
 - C. .
 - D. .
 - E. Tất cả đều sai**
- Câu 7.** Bệnh nhân nam thấy bìu một bên to, siêu âm phát hiện một khối u ở....?
- A. Ung thư nơi khác di căn đến mào tinh
 - B. Hạch vùng bẹn bìu phì đại

C. Bướu tinh hoàn ăn lan vào tinh và ung thư tinh

D. Hầu như nghỉ ngơi ác tính

E. Tất cả đều sai

Câu 8. Niêm mạc là:

A. Niêm mạc có cấu trúc đặc biệt riêng của đường niệu, lót bên trong từ đài bể thận tới ... đạo

B. Niêm mạc có cấu trúc đặc biệt riêng của đường niệu, lót bên trong từ bể thận xuống đến phần đầu của niệu đạo

C. Có vai trò trong hấp thu nước điện giải

D. Niêm mạc có cấu trúc đặc biệt riêng của đường niệu, lót bên trong từ đài bể thận đến niệu quản

E. Tất cả đều sai

Câu 9. Định nghĩa nhiễm khuẩn niệu

A. Tình trạng khuẩn niệu

B. Đáp ứng viêm của niệu đạo đối với sự xâm nhập của vi khuẩn đi kèm với khuẩn ...

C. Tình trạng mủ niệu

D. Nhiễm trùng vật chứa đựng: thận, niệu quản, bàng quang

E. Tất cả đều sai

Câu 10. Một bệnh nhân nam 30 tuổi, đi khám sức khỏe định kỳ, khám thấy tinh hoàn phải có một khối 1cm, mào tinh bình thường. Theo ý anh (chị) nên hướng tới:

A. Carcinom tinh hoàn

B. Sẹo cũ của tinh hoàn

C. Lao tinh hoàn

D. Bướu tinh hoàn dạng Teratoma

E. Tất cả đều sai

Câu 11. Cách định nghĩa nhiễm khuẩn niệu:

A. Độc lực, sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn gây bệnh

B. Mủ niệu là dấu hiệu cổ điển của lao niệu

C. Bệnh nhân có suy giảm miễn dịch hay không

D. Cơ năng và cấu trúc giải phẫu hoặc đường niệu có bình thường hay không

E. Tất cả đều đúng

Câu 12. Định nghĩa viêm thận bể thận mạn (chronic pyelonephritis)

A. Là một từ để mô tả tình trạng thận có sẹo, co lại và được chẩn đoán bằng hình thái, hình ảnh học, hay chức năng thận, có thể xảy ra sau nhiễm... thường không liên hệ với nhiễm khuẩn niệu

B. Là một từ để mô tả tình trạng thận có sẹo, co lại và được chẩn đoán bằng hình thái, hình ảnh học, hay chức năng thận, có thể xảy ra sau nhiễm... thường không liên hệ với nhiễm khuẩn niệu

C. Viêm bể thận kéo dài với tiêu chuẩn bắt buộc phải có khuẩn niệu...

D. Viêm thận bể thận gây teo thận (atrophic pyelonephritis)

Câu 13. ... sau đây không là nguyên nhân gây ra tình trạng vi khuẩn ... khi điều trị nhiễm khuẩn niệu tích cực:

A. Viêm tuyến tiền liệt mạn tính do vi khuẩn

B. Viêm thận bể thận cấp do nhiễm khuẩn ngược dòng và sạn nhiễm khuẩn

- C. Hoại tử gai nhú thận và viêm thận bể thận cấp do nhiễm trùng ngược dòng
- D. Bệnh thận xốp một bên
- E. Viêm thận bể thận cấp do nhiễm khuẩn ngược dòng

Câu 14. Triệu chứng có thể thấy của ung thư tinh hoàn là:

- A. Đau ở vùng bìu và bẹn
- B. Nhũ hóa (Gynecomastia)
- C. Hạch bẹn to và đau
- D. Thường bìu to và không đau
- E. Tất cả đều đúng

Câu 15. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành sỏi là:

- A. Địa dư khí hậu, ăn uống, lao động nặng, bẩm sinh
- B. ... di truyền, lao động nặng, khí hậu
- C. Lao động nặng, bẩm sinh, nghề nghiệp, di truyền
- D. Ăn uống, lao động nặng, bẩm sinh, nghề nghiệp
- E. Tất cả đều sai

Câu 16. Thuốc kháng lao nào là thuốc ngưng trùng?

- A. Pyrazinamide
- B. Isonidazid và Streptomycin
- C. Ethanol
- D. Rifampicin và Erythromycin
- E. Tất cả đều sai

Câu 17. Các chất ức chế hình thành sỏi niệu trong nước tiểu:

- A. Pyrophosphate, Oxalate, Magne, Kẽm
- B. Pyrophosphate, Citrate, muối Magne, Kẽm
- C. Citrate, Oxalate, Magne
- D. Pyrophosphate, Citrate, Magne, Kẽm
- E. Pyrophosphate, Oxalate, kẽm

Câu 18. pH nước tiểu < 5 sỏi dễ hình thành:

- A. Urate, cystine, Acid lactic
- B. Urate, Carbonate
- C. Oxalate-calci
- D. Phospho-calci
- E. Tất cả đều sai

Câu 19. pH > 8 trong nước tiểu, sỏi nào dễ hòa tan nhất:

- A. Ammonium
- B. Oxalate calci
- C. Cystine và Carbonate
- D. Phosphate
- E. Tất cả đều sai

Câu 20. Vi trùng trong nước tiểu tiết ra men (enzyme)

A. Urease và Protease

B. Lipase và Protease

C. Protease và Ligase

D. Reptase Urease

E. Tất cả đều sai

Câu 21. Sỏi niệu không cản quang?

A. Urate và Oxalate calci

B. Urate

C. Carbonate

D. Phosphate và Ammonium

E. Tất cả đều đúng

Câu 22. Sỏi niệu quản quang chiếm tỉ lệ

A. 10%

B. 50%

C. 75%

D. 80%

E. Tất cả đều sai =>>>>> hơn 90% sỏi là cản quang

Câu 23. Dạng lao nào sau đây thường được điều trị trên 6 tháng

A. Phổi và niệu sinh dục

B. Xương tủy và lao phổi

C. Lao hạch

D. Lao phổi đồng thời với lao niệu sinh dục

E. Lao xương tủy

Câu 24. Độc gan do INH

A. Không đảo ngược lại được

B. Thể hiện rõ ngay sau khi bắt đầu điều trị

C. Biểu hiện bằng tăng bilirubin máu

D. Có thể phòng tránh bằng vitamin B6

E. Bình thường lại sau nhiều tháng tiếp tục điều trị

Câu 25. Dùng corticosteroids trong điều trị lao niệu sinh dục

A. Chủ yếu nhằm phòng ngừa suy thận

B. Chống chỉ định tuyệt đối vì có thể gây bùng phát lao toàn thân

C. Chủ yếu trong điều trị viêm lao bàng quang cấp nặng và không dùng quá 14 tuần

D. Chủ yếu trong điều trị viêm hẹp niệu quản do lao và dùng 4-6 tuần

E. Tất cả đều sai

F. Tất cả đều đúng

G. A, B, C đúng

Câu 26. Ung thư cổ tử cung gây suy thận:

A. Ung thư giai đoạn 4 xâm lấn hai niệu quản

B. Hạch vùng chậu gây chèn ép hai niệu quản

- C. Xơ hóa sau phúc mạc sau xạ trị chèn ép hai niệu quản
- D. Tất cả đều đúng
- E. Tất cả đều sai

Câu 27. Chẩn đoán suy thận ở một bệnh nhân bị sỏi niệu quản hai bên dựa vào:

- A. Đột ngột vô niệu hoặc thiểu niệu, ở bệnh nhân biết bị sỏi niệu quản hai bên từ trước
- B. Biết bị sỏi niệu quản hai bên từ trước
- C. Đau lưng hai bên, tiền căn có nhiều lần tiểu khó hoặc bí tiểu
- D. Đột ngột đau lưng 2 bên và sốt có thể kèm bí tiểu
- E. A, C đúng

Câu 28. Chẩn đoán suy thận do ung thư cổ tử cung xâm lấn vùng chậu dựa vào:

- A. Bí tiểu, ure, creatinin máu tăng
- B. Tiền căn ung thư cổ tử cung, siêu âm có 2 thận ứ nước và bí tiểu hoàn toàn
- C. Siêu âm thấy hai thận đều trương nước, tiền sử, khám lâm sàng phát hiện có ung thư cổ tử cung
- D. A, B đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 29. Xét nghiệm có giá trị nhất để chẩn đoán có tình trạng bế tắc sau thận là:

- A. CT scan thấy thận trương nước
- B. Chụp đồng vị phóng xạ thận có tiêm thuốc lasix và siêu âm thấy hai thận trương nước
- C. UIV thấy thận chèn và xạ hình thận có test captoril
- D. Chụp đồng vị phóng xạ thận có tiêm thuốc lasix
- E. B, D đúng

Câu 30. Xét nghiệm không dùng để chẩn đoán suy thận nặng do bế tắc niệu quản là:

- A. Siêu âm bụng
- B. CT scan bụng
- C. Chụp đồng vị phóng xạ thận có tiêm thuốc lasix
- D. Chụp KUB
- E. Tất cả có thể sử dụng đc

Câu 31. Bệnh nhân suy thận sau thận có thể bị tử vong do

- A. Tăng Ka máu, tăng pH máu và phù phổi cấp
- B. Tăng Na máu và Clo máu và phù do thận ứ nước
- C. Toan hóa máu
- D. Tăng Ka, giảm pH máu hoặc phù do thừa nước
- E. Tất cả đều sai

Câu 32. Ống Wolff, chọn câu sai?

- A. Có nguồn gốc trung phôi..., thoái hóa khi thai nhi là nữ
- B. ... niệu quản sinh ra từ đoạn cuối của ống Wolff trên nam và nữ (trước khi... phần còn lại)
- C. Vùng tam giác bàng quang phát triển từ đoạn cuối ống Wolff
- D. Ống dẫn tinh chính là phần còn lại của ống Wolff trên người đàn ông
- E. Còn gọi là ...

Câu 33. Đối với bệnh nhân bị hẹp niệu đạo sau, phương pháp điều trị là:

- A. Nông niệu đạo định kỳ
- B. Phẫu thuật đưa niệu đạo ra da
- C. Phẫu thuật tạo hình niệu đạo sau
- D. Phẫu thuật cắt rộng niệu đạo sau qua nội soi
- E. Tất cả đều là những tùy chọn

Câu 34. Suy thận do bế tắc sau thận:

- A. Chiếm 1/3 đến 2/3 các nguyên nhân gây suy thận cấp
- B. Chiếm tỷ lệ quan trọng nhất trong các nguyên nhân gây suy thận mạn
- C. Chiếm tỷ >50% trong các trường hợp gây suy thận mạn
- D. Chiếm <10% các nguyên nhân gây suy thận cấp
- E. B, C đúng

Câu 35. Các nguyên nhân gây suy thận do bế tắc sau thận:

- A. Giảm thể tích tuần hoàn đột ngột
- B. Giảm lưu lượng tưới máu thận đột ngột
- C. Tắc động mạch thận do huyết khối
- D. Bế tắc đường tiểu trên
- E. Tất cả đều sai

Câu 36. Van niệu đạo sau gây suy thận do:

- A. Bế tắc miệng niệu đạo
- B. Bế tắc đường tiểu dưới
- C. Bế tắc tại cổ bàng quang
- D. Là dị vật bầm sinh đường tiết niệu
- E. B, C đúng

Câu 37. Bệnh nhân bị sỏi niệu quản hai bên suy thận do:

- A. Bệnh nhân có thể có triệu chứng vô niệu vì thiếu nước
- B. Sự bế tắc gây tăng áp lực bên trong bàng quang niệu đạo
- C. Sự bế tắc gây giảm áp lực bên trong hệ thống đài bể thận
- D. Sự bế tắc gây tăng tưới máu trong nhu mô thận hoặc sự bế tắc gây giảm tưới máu niệu quản
- E. Tất cả đều sai

Câu 38. Trên lâm sàng, trong điều trị nhiễm khuẩn niệu không đặc hiệu và không phức tạp, để giảm hiện tượng đột biến đề kháng của vi khuẩn, người ta làm gì, chọn câu sai:

- A. Cho bệnh nhân nhập viện, truyền nước và gây lợi tiểu nhanh để làm giảm số lượng ... trước khi bắt đầu điều trị
- B. Không cần thiết phối hợp kháng ỉnh
- C. Tăng liều kháng sinh gấp đôi hoặc gấp ba trong 48 giờ đầu để vượt trên MIC càng nhiều,... tốt sau đó giảm liều sớm
- D. Chọn loại kháng sinh có nồng độ trong nước tiểu cao hơn MIC càng nhiều càng tốt
- E. Cho bệnh nhân nhập viện để điều trị kháng sinh

Câu 39. Viêm bàng quang cấp:

- A. Luôn có triệu chứng kích thích đi tiểu như tiểu gắt, tiểu nhiều lần, tiểu gấp

- B. Hay có sốt và triệu chứng toàn thân
- C. Khi lâm sàng và tổng phân tích nước tiểu gợi ý chẩn đoán nhiều thì cũng nên cấy nước tiểu thường quy
- D. Liệu pháp estrogen thay thế luôn luôn bảo vệ người phụ nữ mãn kinh khỏi bị viêm bàng quang tái phát

E. Thường do E.coli gây ra

Câu 40. Dấu hiệu “đái mủ vô khuẩn”, chọn câu sai:

- A. Gợi ý lao niệu
- B. Là dấu hiệu cổ điển của lao niệu
- C. Có thể gặp trong lao niệu, sạn, ung thư đường niệu
- D. Không đặc hiệu cho lao niệu

E. Tất cả đều sai

Câu 41. Hình ảnh bàng quang trong lao niệu-sinh dục:

- A. Bàng quang phì đại, dung tích lớn
- B. Thể tích bình thường
- C. Bàng quang teo nhỏ dung tích còn vài trăm phân khối => **vài chục chứ ko phải vài trăm**
- D. Bàng quang có túi ngách nhỏ, kích thước túi ngách vài chục phân khối

E. Tất cả đều sai

Câu 42. Triệu chứng chính của lao niệu-sinh dục, chọn câu sai:

- A. Cấy nước tiểu vô trùng trong môi trường thường
- B. Tiểu nhiều lần, tiểu mủ vô trùng
- C. Tiểu máu đại thể hoặc vi thể
- D. Sốt về chiều không phải triệu chứng đặc hiệu

E. Tất cả đều đúng

Câu 43. Choáng nhiễm khuẩn niệu thường do tác nhân

A. Cầu trùng Gr (-)

- B. Trực trùng Gr (+)
- C. Cầu trùng Gr(+)
- D. Vi khuẩn yếm khí
- E. Tất cả đều sai

Câu 44. Phát biểu nào sau đây về dịch tễ học lao là đúng:

- A. Tần suất lao ở Hoa Kỳ đã tăng từ thập niên 1990
- B. Một cách tổng quát thì lao là nhiễm khuẩn cơ hội thường gặp nhất với bệnh nhân AIDS
- C. Tần suất lao ở những người nhập cư châu Á tương đương với những người sinh ra tại Hoa Kỳ
- D. **Tần suất lao đang giảm trên toàn thế giới**
- E. Lao xảy ra chủ yếu ở bệnh nhân mắc hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS) ở giai đoạn muộn của bệnh ($CD4 < 200/mm^3$)

Câu 45. Sự lây lan của Mycobacter tuberculosis thì phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Lượng vi khuẩn hít vào
- B. Độ lây nhiễm của dòng mycobacterium

- C. Thời gian tiếp xúc với nguồn lây bệnh
- D. Tình trạng miễn dịch của cá thể phơi nhiễm
- E. Tất cả đều đúng

Câu 46. Phát triển nào sau đây về lao là ĐÚNG?

- A. Người không phải là nguồn lây duy nhất của Mycobacter tuberculosis
- B. Lao thận thường là kết quả của sự hoạt hóa một nhiễm khuẩn thận trước đó từ do chuyển ngược dòng qua đường tự nhiên
- C. Viêm mào tinh là một triệu chứng hiếm gặp của lao niệu sinh dục
- D. Sự lây truyền lao niệu sinh dục từ nam sang nữ là thường gặp và thường gặp nhất ở trẻ em nhỏ hơn 5 tuổi

E. Tất cả đều sai

Câu 47. Tình trạng nào sau đây dễ tái hoạt nhiễm khuẩn yên lặng do Mycobacter tuberculosis nhất?

- A. Mới nhiễm HIV
- B. Cao huyết áp phổi
- C. Khí phế thũng

D. Hen dị ứng và viêm xương khớp

E. Tất cả đều sai

Câu 48. Xét nghiệm nước tiểu để chẩn đoán lao niệu

- A. Cầm cây nước tiểu trên môi trường đặc hiệu, thường dương tính sau 2 tuần
- B. Có thể xuất hiện tình trạng tiểu mù vô trùng
- C. Thời gian phát hiện Mycobacter tuberculosis trên cây nước tiểu nhanh hay chậm tùy thuộc vào lượng trực khuẩn lao trong nước tiểu
- D. Xét nghiệm PCR tìm vi trùng lao thường được dùng
- E. Nhuộm huỳnh quang để tìm trực khuẩn kháng acid là đủ chẩn đoán xác định

Câu 49. Thử nghiệm xquang hữu ích nhất để đánh giá các biểu hiện về giải phẫu học của bệnh lao niệu sinh dục là:

- A. Siêu âm
- B. UIV
- C. MRI
- D. Chụp bể thận ngược chiều
- E. CT

Câu 50. KHÔNG CÓ TRANG CUỐI